



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRUNG TÂM QUY HOẠCH VÀ ĐIỀU TRA TÀI NGUYÊN NƯỚC QUỐC GIA

**BẢN TIN THÔNG BÁO, DỰ BÁO VÀ CẢNH BÁO
TÀI NGUYÊN NƯỚC DƯỚI ĐẤT TỈNH QUẢNG NINH**
THÁNG 11 NĂM 2025

HÀ NỘI, THÁNG 11/2025

Chịu trách nhiệm nội dung: Trung tâm Cảnh báo và Dự báo tài nguyên nước
Địa chỉ: số 10, ngõ 42 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội; Fax: 02437560034
Website: cewafo.gov.vn; Email: vt_ttcdbtnn@mae.gov.vn

MỤC LỤC

I. LỜI GIỚI THIỆU	3
II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC.....	5
2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất	5
2.1.1. Mực nước	5
2.1.2. Chất lượng nước	6
2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất.....	6
2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) - Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh ₂).....	6
2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) - Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp ₁).....	7
2.2.3. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p).....	7
2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất.....	8
III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	8
PHỤ LỤC	9
GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT (QCVN 09:2023/BTNMT).....	9

I. LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin thông báo, dự báo và cảnh báo tài nguyên nước dưới đất tỉnh Quảng Ninh được biên soạn hàng tháng nhằm cung cấp các thông tin về mực nước, chất lượng nước dưới đất nhằm phục vụ công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch và quản lý tài nguyên nước.

Tỉnh Quảng Ninh là một tỉnh thuộc lưu vực sông Hồng – Thái Bình có diện tích tự nhiên là 6.207,9km². Trong khu vực này mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Tài nguyên nước dưới đất tỉnh Quảng Ninh gồm 2 tầng chứa nước chính là tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) và tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp). Tổng tài nguyên nước dự báo cho các tầng chứa nước qh là 1.306.814,62 m³/ngày, tầng chứa nước qp là 154.848,47 m³/ngày, tầng chứa nước c-p là 74.610,64 m³/ngày.

Nội dung chính của bản tin tháng bao gồm: Thông báo mực nước dưới đất trung bình tháng 10, chất lượng nước mùa khô năm 2025 và dự báo mực nước dưới đất hai tháng tiếp theo tại các tầng chứa nước chính, đưa ra những cảnh báo mực nước trung bình tháng, chất lượng nước trong phạm vi 4 trên tổng số 4 công trình quan trắc tài nguyên nước dưới đất do Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia quản lý và vận hành.

Để Bản tin đáp ứng được các yêu cầu quản lý tài nguyên nước ngày một tốt hơn, các ý kiến đóng góp xin gửi về: Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia.

Địa chỉ: số 10, ngõ 42 Trần Cung, phường Nghĩa Đô, thành phố Hà Nội.

Email: dttnnddat@mae.gov.vn

Bản tin được đăng tải tại Website: nawapi.gov.vn; cewafo.gov.vn

Nhìn chung mực nước dưới đất trung bình tháng 10 so với tháng trước có xu thế dâng tại lớp chứa nước q_{h2} , q_{p1} và tầng chứa nước c-p. Chất lượng nước trong tỉnh cho thấy hầu hết các thông số nằm trong giới hạn cho phép, tuy nhiên có một công trình có độ mặn và Chì vượt GTGH (QCVN 09:2023/BTNMT).

Dự báo mực nước dưới đất tháng 11 so với mực nước quan trắc tháng 10 có xu thế hạ tại lớp chứa nước q_{h2} , q_{p1} và tầng chứa nước c-p.

Trong khu vực tỉnh Quảng Ninh, thời điểm hiện tại chưa có công trình có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

Chi tiết xem nội dung bản tin./

II. THÔNG BÁO, DỰ BÁO, CẢNH BÁO TÀI NGUYÊN NƯỚC

2.1. Thông báo tài nguyên nước dưới đất

2.1.1. Mục nước

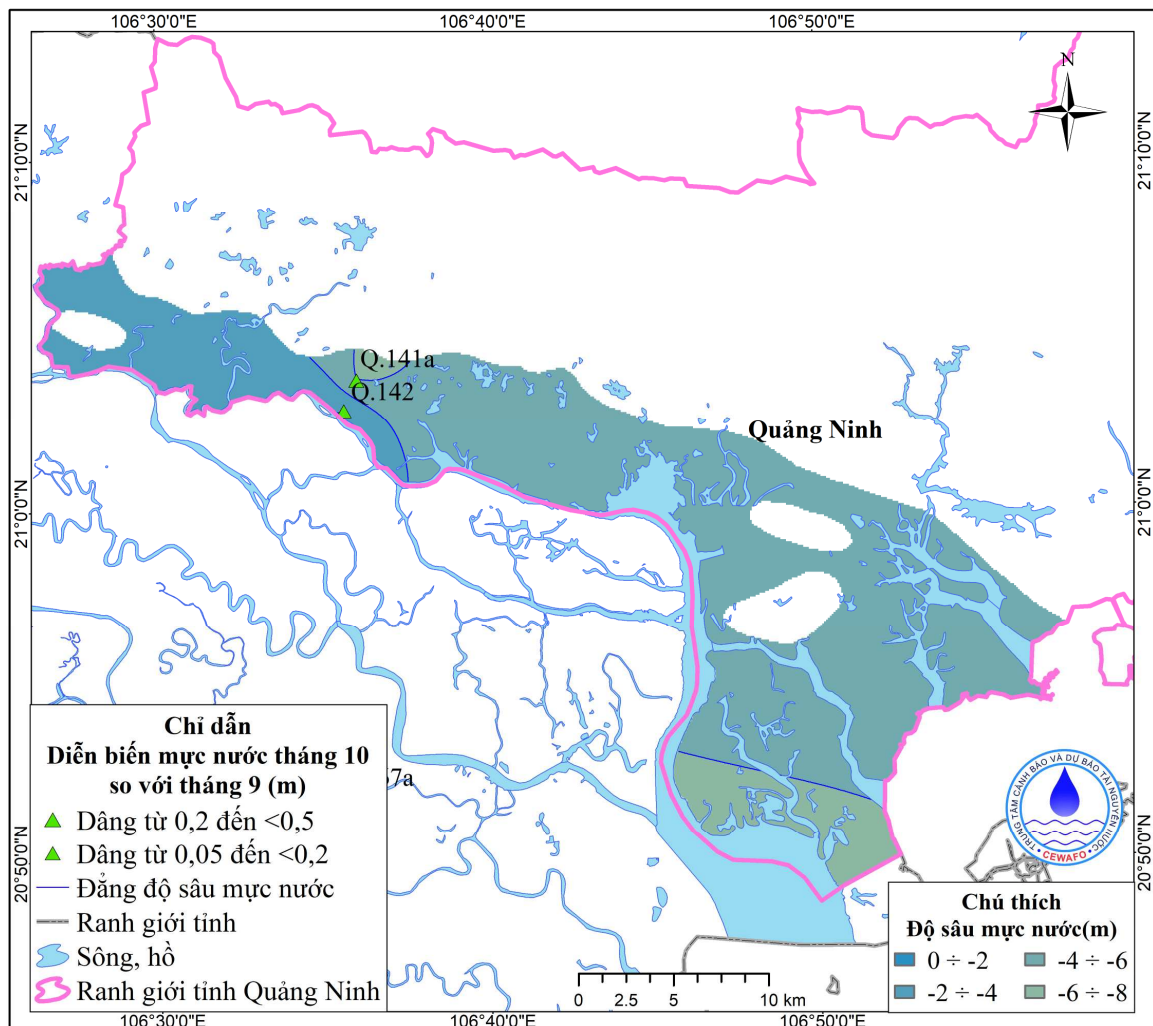
2.1.1.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh)- Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

Theo kết quả quan trắc tại công trình Q.141 thuộc phường Mạo Khê, mực nước trung bình tháng 10 dâng 0,28m so với tháng 9.

2.1.1.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) - Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)

Trong phạm vi tỉnh, mực nước trung bình tháng 10 so với tháng 9 có xu thế dâng. Giá trị dâng cao nhất là 0,18m tại phường Mạo Khê (Q.142).

Mực nước trung bình tháng nông nhất là -2,17m tại phường Mạo Khê (Q.142) và sâu nhất là -5,87m tại phường Mạo Khê (Q.141a).



Hình 1. Sơ đồ diễn biến mực nước tháng 10 lớp qp₁

2.1.1.3. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)

Theo kết quả quan trắc tại công trình Q.141 thuộc phường Mạo Khê, mực nước trung bình tháng 10 dâng 0,21m so với tháng 9.

Bảng 1. Tổng hợp độ sâu mực nước tháng

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)		
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình
I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) - Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen thượng (qh ₂)					
1	Q.141	phường Mạo Khê	-2,85	-2,92	-2,89
II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) - Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen hạ (qp ₁)					
1	Q.141a	phường Mạo Khê	-5,85	-5,90	-5,87
2	Q.142	phường Mạo Khê	-2,15	-2,21	-2,18
III. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)					
1	Q.142a	phường Mạo Khê	-2,12	-2,50	-2,28

2.1.2. Chất lượng nước

2.1.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) - Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình Q.141 thuộc phường Mạo Khê cho thấy nước thuộc loại nước nhạt.

2.1.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) - Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình quan trắc trong tầng cho thấy nước thuộc loại nước nhạt đến lợ, theo QCVN 09:2023/BTNMT một số thông số vượt quá giá trị giới hạn (GTGH), chi tiết xem như sau:

- Thông số độ mặn (TDS): có 1/2 công trình vượt GTGH, vượt tại công trình Q.142 (phường Mạo Khê).

- Các thông số vi lượng: Theo kết quả phân tích cho thấy hầu hết các công trình có hàm lượng thấp hơn GTGH, có thông số Chì (1/2 công trình) vượt GTGH, vượt tại công trình Q.142 (phường Mạo Khê).

- Thông số Amoni (NH₄⁺): Theo kết quả phân tích không có công trình vượt GTGH.

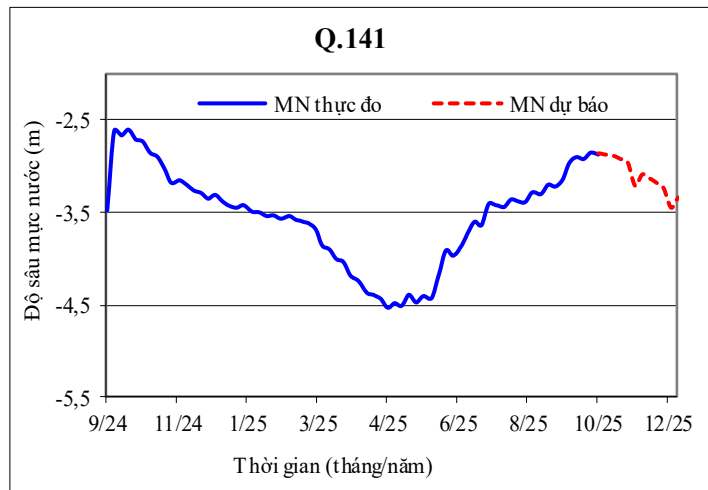
2.1.2.3. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)

Kết quả phân tích mẫu nước mùa khô năm 2025 tại công trình Q.141 thuộc phường Mạo Khê cho thấy nước thuộc loại nước nhạt.

2.2. Dự báo tài nguyên nước dưới đất

2.2.1. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) - Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh₂)

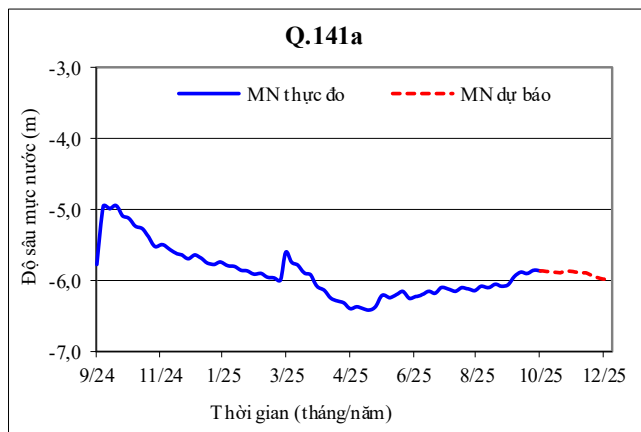
Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,1- 0,3m. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q.141 như sau:



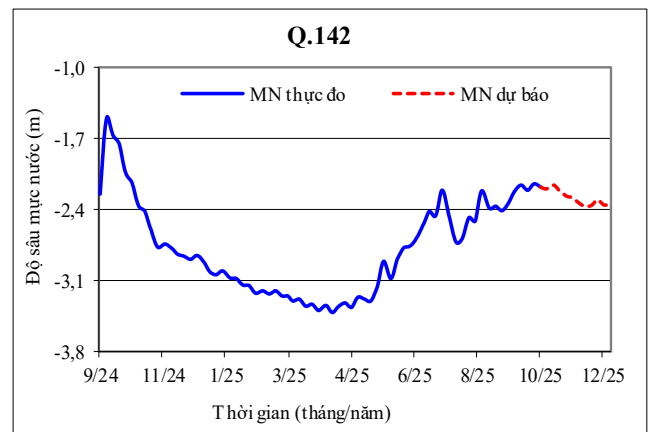
Hình 2. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

2.2.2. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) - Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp₁)

Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,1-0,4m. Chi tiết diễn biến mực nước tại một số công trình đặc trưng như sau:



a. phường Mạo Khê (Q.141a)

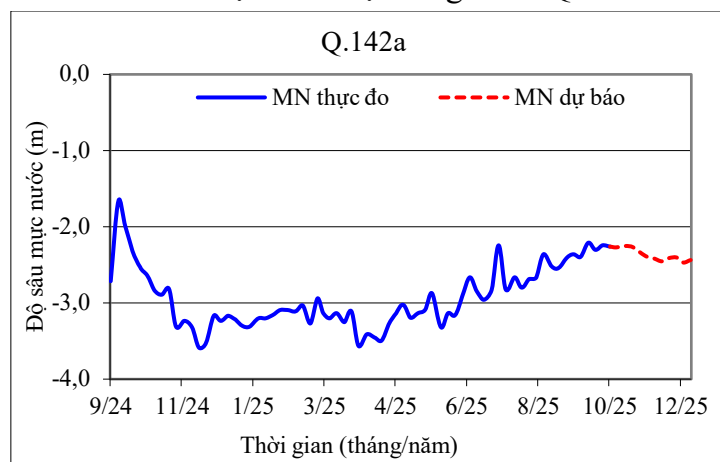


b. phường Mạo Khê (Q.142)

Hình 3. Dự báo độ sâu mực nước tầng qp

2.2.3. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)

Trong tháng 11 và tháng 12 dự báo mực nước có xu thế hạ, dao động mực nước từ 0,1- 0,2m. Chi tiết diễn biến mực nước tại công trình Q.142a như sau:



Hình 4. Dự báo độ sâu mực nước tầng qh

Bảng 2. Tổng hợp mực nước dự báo

STT	Công trình	Vị trí	Mực nước (m)			Ngày xuất hiện MN sâu nhất
			Nông nhất	Sâu nhất	Trung bình	
I. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen (qh) - Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Holocen trên (qh ₂)						
1	Q.141	phường Mạo Khê	-2,90	-3,21	-3,02	24/11/2025
II. Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen (qp) - Lớp chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Pleistocen dưới (qp ₁)						
1	Q.141a	phường Mạo Khê	-5,86	-5,88	-5,87	12/11/2025
2	Q.142	phường Mạo Khê	-2,19	-2,36	-2,28	29/11/2025
III. Tầng chứa nước karst trong trầm tích carbonat Carbon - Pecmi (c-p)						
1	Q.142a	phường Mạo Khê	-2,25	-2,42	-2,33	30/11/2025

2.3. Cảnh báo tài nguyên nước dưới đất

Theo Khoản 2, Điều 24 của Nghị định 131/2025/NĐ-CP về giới hạn mực nước khai thác, trong tỉnh Quảng Ninh thời điểm hiện tại chưa có công trình nào có độ sâu mực nước cần phải cảnh báo.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Hiện tại, trên phạm vi tỉnh Quảng Ninh chưa có công trình thuộc diện phải cảnh báo, để đảm bảo khai thác ổn định, cần theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước dưới đất trong các tầng chứa nước trong tỉnh và các bản tin dự báo tiếp theo để phục vụ quản lý, khai thác hiệu quả nguồn nước dưới đất.

Đa số các thông số chất lượng nước trên lưu vực sông nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 09:2023/BTNMT. Tuy nhiên có một công trình có thông số vượt GTGH tập trung ở tầng chứa nước Pleistocen (qp). Thông số vượt là độ mặn và Chì tại phường Mạo Khê (Q.142).

Đề nghị các cơ quan chức năng ở trung ương và địa phương:

- Rà soát, cập nhật thông tin chất lượng nước tại các khu vực trên;
- Kịp thời ban hành cảnh báo và hướng dẫn người dân sử dụng nước an toàn.

PHỤ LỤC
GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ CHẤT LƯỢNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(QCVN 09:2023/BTNMT)

	TT	Thông số	Đơn vị	GTGH
Thông số cơ bản	1	pH	-	5,8 - 8,5
	2	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU/100ml	3
	3	Nitrate (NO_3^- tính theo Nitơ)	mg/l	15
	4	Amoni (NH_4^+ tính theo Nitơ)	mg/l	1
	5	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1500
	6	Độ cứng (tính theo CaCO_3)	mg/l	500
	7	Arsenic (As)	mg/l	0,05
	8	Chloride (Cl^-)	mg/l	250
Thông số ảnh hưởng sức khỏe con người	9	Nitrite (NO_2^- tính theo Nitơ)	mg/l	1
	10	Fluoride (F^-)	mg/l	1
	11	Sulfate (SO_4^{2-})	mg/l	400
	12	Cadmi (Cd)	mg/l	0,005
	13	Cyanide (CN^-)	mg/l	0,01
	14	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/l	0,001
	15	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/l	0,01
	16	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	0,05
	17	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/l	1
	18	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/l	3
	19	Nickel (Ni)	mg/l	0,02
	20	Mangan (Mn)	mg/l	0,5
	21	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/l	5
	22	Seleni (Se)	mg/l	0,01
	23	Aldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6$)	mg/l	0,0001
	24	Lindane ($\text{C}_6\text{H}_6\text{Cl}_6$)	mg/l	0,00002
	25	Dieldrin ($\text{C}_{12}\text{H}_8\text{Cl}_6\text{O}$)	mg/l	0,0001
	26	Tổng DDT (1,1'-(2,2,2-Trichloroethane-1,1-diyl) bis(4-chlorobenzene) ($\text{C}_{14}\text{H}_9\text{Cl}_5$)	mg/l	0,001
	27	Heptachlor & Heptachlorepoxyde ($\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7$ & $\text{C}_{10}\text{H}_5\text{Cl}_7\text{O}$)	mg/l	0,001
	28	Diazinon ($\text{C}_{12}\text{H}_{21}\text{N}_2\text{O}_3\text{PS}$)	mg/l	0,02
	29	Parathion ($\text{C}_{10}\text{H}_{14}\text{NO}_5\text{PS}$)	mg/l	0,06
	30	Phenol ($\text{C}_6\text{H}_5\text{OH}$)	mg/l	0,001
	31	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
	32	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1
	33	E. Coli	MPN hoặc CFU/100ml	Không phát hiện